

Số 01 /ĐHĐCĐ-TCT

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Sông Đà - CTCP;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Sông Đà – CTCP ngày 25 tháng 4 năm 2025 đã được Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua với số phiếu tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và đại diện ủy quyền có mặt tham dự Đại hội.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các nội dung chính như sau:

a. *Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024:*

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024		THỰC HIỆN NĂM 2024		%HTKH NĂM	
			Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.800	1.360	6.886	1.398	101	103
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.600	1.345	6.390	1.390	97	103
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	530	50	586	37	111	74
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	470	992	485	160	103
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	525	430	856	484	163	113

b. *Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025*

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025		TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG	
			Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	7.450	1.510	108	108
2	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	6.930	1.506	108	108
3	Nộp nhà nước	10 ⁹ đ	550	25	94	68

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025		TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG	
			Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	780	528	79	109
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	725	523	85	108
6	Cổ tức	%		10		

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2024 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Tổng công ty Sông Đà – CTCP tại ngày 31/12/2024:

+	Tổng tài sản:	13.130.791.898.605, đồng
	Trong đó: Tài sản ngắn hạn	5.626.035.298.473, đồng
	Tài sản dài hạn	7.504.756.600.132, đồng
+	Tổng nguồn vốn:	13.130.791.898.605, đồng
	Trong đó: Nợ phải trả	7.436.571.702.911, đồng
	Nguồn vốn chủ sở hữu	5.694.220.195.694, đồng
+	Tổng doanh thu:	1.390.481.769.959, đồng
+	Lợi nhuận trước thuế:	484.580.838.276, đồng
+	Lợi nhuận sau thuế:	484.156.819.388, đồng

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

1. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2023: 51.051.672.639, đồng
2. Lợi nhuận sau thuế năm 2024: 484.156.819.388, đồng
3. Trích lập các quỹ:
 - a. Trích Quỹ đầu tư phát triển: 68.000.000.000, đồng.
 - b. Giao Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm và rà soát để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 trên cơ sở tiền lương thực hiện năm 2024 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 10% vốn điều lệ:
 - Vốn điều lệ: 4.495.371.120.000, đồng
 - Lợi nhuận chia cổ tức: 449.537.112.000, đồng (Bốn trăm bốn mươi chín tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, một trăm mười hai nghìn đồng chẵn).

Điều 5. Thông qua quyết toán thù lao của HĐQT, tiền lương và thù lao BKS Tổng công ty Sông Đà năm 2024; kế hoạch thù lao HĐQT, tiền lương và thù lao BKS năm 2025 như sau:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT Sông Đà chịu trách nhiệm thực hiện việc quyết định quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2024 theo đúng Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH; lập, phê duyệt kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2025 theo đúng quy định của Nghị định 44/2025/NĐ-CP; đồng thời, đảm bảo phù hợp với phê duyệt của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Điều 6. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong 03 đơn vị kiểm toán dưới đây thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

Điều 7. Điều khoản thi hành:

Giao Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Nghị quyết này gồm 03 trang, được lập và thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/4/2025.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- SCIC;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Các PTGD;
- Các Ban TCT;
- Lưu VP TCT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Trần Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

A. Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ – CTCP

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Sông Đà, 493 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

Mã số doanh nghiệp: 0100105870.

B. Thời gian bắt đầu phiên họp: 08 giờ 30 phút ngày 25/4/2025.

C. Địa điểm: Hội trường tầng 1, Tòa nhà Sông Đà, 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

D. Thành phần tham dự:

❖ Các đại biểu khách mời:

- Đại diện SCIC: Bà Kiều Bích Hoa – Phó Ban Đầu tư 2
- Đại diện đơn vị kiểm toán BTCT năm 2024: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Các Cổ đông của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

E. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Tổ giúp việc tại Đại hội:

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu tại Đại hội như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

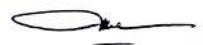
- Ông Trần Văn Tuấn : Chủ tịch HĐQT TCT - Chủ tọa
- Ông Trần Anh Đức : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc TCT
- Ông Nguyễn Anh Tùng : Thành viên HĐQT TCT

2. Ban Thư ký được Chủ tọa Đại hội chỉ định như sau:

- Bà Nguyễn Hồng Vân - Tổ trưởng Tổ thư ký HĐQT TCT- Trưởng ban;
- Ông Nguyễn Việt Lương – Chuyên viên Ban TCKT - Tổ viên;

3. Ban kiểm phiếu đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% cổ đông có mặt tán thành. Cụ thể như sau:

- Ông Trần Đức Tân - Giám đốc Ban TCNS - Trưởng ban
- Ông Nguyễn Văn Hiếu - Phó GD Ban CLĐT - Thành viên



- Ông Hà Trí Thức – Chuyên viên Ban kinh tế - Thành viên
- Ông Nguyễn Sơn Hải – Chuyên viên Ban KTPC&QTRR
- Ông Nguyễn Sỹ Nhuận – Chuyên viên văn phòng

F. Điều kiện tiến hành Đại hội:

Trường ban Kiểm tra tư cách cổ đông: Ông Phạm Đức Trọng báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 cụ thể như sau:

- Tổng số cổ đông của Tổng công ty Sông Đà – CTCP là **255** cổ đông đại diện cho **449.537.112** phiếu biểu quyết tương đương tổng số cổ phần sở hữu là **449.537.112** cổ phần, tương ứng 100% vốn điều lệ (theo danh sách chốt ngày 25/3/2025).
- Số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội tại thời điểm khai mạc (9h00 phút) là 33 cổ đông đại diện cho 448.668.112 phiếu biểu quyết tương đương 448.668.112 cổ phần, đạt 99,81% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết là 449.537.112 phiếu tương đương 449.537.112 cổ phần.
- Căn cứ Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

G. Nội dung phiên họp:

1. Ban Kiểm phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
2. Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
3. Quy chế tổ chức đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
4. Đại hội nghe Ông Trần Anh Đức – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.
5. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Văn Thắng – Trưởng Ban Kiểm soát TCT trình bày báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 và Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.
6. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Anh Tùng – Thành viên HĐQT TCT trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2024; Tờ trình thông qua quyết toán thù lao HĐQT, tiền lương, thù lao của BKS năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, tiền lương và thù lao BKS năm 2025.
7. Thảo luận tại Đại hội: Chủ tọa mời các Cổ đông tham gia ý kiến đối với các báo cáo và tờ trình mà Đoàn Chủ tịch đã trình bày tại đại hội.
8. Các cổ đông thực hiện bỏ phiếu biểu quyết các nội dung báo cáo và tờ trình đã được Đoàn Chủ tịch trình bày.
9. Nội dung thảo luận tại phiên họp: Các cổ đông không có câu hỏi

H. Các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông:

Tại thời điểm bỏ phiếu: Tổng số cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự là 37 cổ đông đại diện cho 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 99,81% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết là 449.537.112 phiếu tương đương 449.537.112 cổ phần.

Sau khi xem xét các Tờ trình, Báo cáo và thảo luận các vấn đề liên quan, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP đã nhất trí thông qua với một số các nội dung:

1. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các nội dung chính như sau:

a. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024		THỰC HIỆN NĂM 2024		%HTKH NĂM	
			Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.800	1.360	6.886	1.398	101	103
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.600	1.345	6.390	1.390	97	103
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	530	50	586	37	111	74
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	470	992	485	160	103
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	525	430	856	484	163	113

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025		TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG	
			Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	7.450	1.510	108	108
2	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	6.930	1.506	108	108
3	Nộp nhà nước	10 ⁹ đ	550	25	94	68
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	780	528	79	109
5	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	725	523	85	108
6	Cổ tức	%		10		

c. Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

2. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát.

Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua báo cáo kết quả hoạt động năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

3. Thông qua báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán:

a. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

+	Tổng tài sản:	13.130.791.898.605, đồng
	Trong đó: Tài sản ngắn hạn	5.626.035.298.473, đồng
	Tài sản dài hạn	7.504.756.600.132, đồng

+ Tổng nguồn vốn:	13.130.791.898.605, đồng
Trong đó: Nợ phải trả	7.436.571.702.911, đồng
Nguồn vốn chủ sở hữu	5.694.220.195.694, đồng
+ Tổng doanh thu:	1.390.481.769.959, đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	484.580.838.276, đồng
+ Lợi nhuận sau thuế:	484.156.819.388, đồng

b. Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

a) Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2023: 51.051.672.639, đồng
- Lợi nhuận sau thuế năm 2024: 484.156.819.388, đồng
- Trích lập các quỹ:
- + Trích Quỹ đầu tư phát triển: 68.000.000.000, đồng.
- + Giao Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm và rà soát để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 trên cơ sở tiền lương thực hiện năm 2024 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 10% vốn điều lệ:
- + Vốn điều lệ: 4.495.371.120.000, đồng
- + Lợi nhuận chia cổ tức: 449.537.112.000, đồng (Bốn trăm bốn mươi chín tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, một trăm mười hai nghìn đồng chẵn).

b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Kết luận: Đại hội thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

5. Thông qua quyết toán thù lao của HĐQT, tiền lương và thù lao của BKS năm 2024 và kế hoạch thù lao HĐQT, tiền lương và thù lao BKS năm 2025 như sau:

a) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT Sông Đà chịu trách nhiệm thực hiện việc quyết định quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2024 theo đúng Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTĐBXH; Lập, phê duyệt kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2025 theo đúng quy định của Nghị định 44/2025/NĐ-CP; đồng thời, đảm bảo phù hợp với phê duyệt của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu tán thành: 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Kết luận: Đại hội thông qua thông qua quyết toán thù lao của HĐQT, tiền lương, thù lao năm 2024 của BKS Tổng công ty Sông Đà và kế hoạch thù lao HĐQT, kế hoạch tiền lương, thù lao BKS năm 2025 với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

a) Ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn một trong 03 đơn vị kiểm toán dưới đây thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

b) Phương thức biểu quyết: bỏ phiếu biểu quyết:

- Số phiếu hợp lệ: 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu tán thành: 448.696.013 phiếu biểu quyết tương đương 448.696.013 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Số phiếu có ý kiến khác: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

- Kết luận: Đại hội thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 với tỷ lệ 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí tán thành.

7. Đại hội đã nhất trí thông qua Biên bản đại hội và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP kết thúc vào hồi 11h30 cùng ngày.

Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP được lập thành văn bản, công bố toàn văn trên website của Tổng công ty Sông Đà - CTCP (www.songda.vn) để thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

1. Bà Nguyễn Hồng Vân:.....

2. Ông Nguyễn Việt Lương:



Trần Văn Tuấn



**TÔNG CÔNG TY
SÔNG ĐÀ-CTCP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**CHƯƠNG TRÌNH TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 TÔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ – CTCP**

Địa điểm: Tòa nhà Sông Đà, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Thời gian tổ chức: 08h30 ngày 25/04/2025

TT	Thời gian	Nội dung
1	08h30 09h00	- Đón tiếp đại biểu, Cổ đông.
		- Kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự.
		- Phát tài liệu, thẻ biểu quyết cho Cổ đông.
2	09h00	- Ổn định tổ chức chuẩn bị Đại hội
		- Giới thiệu đại biểu đến dự Đại hội.
		- Khai mạc Đại hội
		- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định của pháp luật.
3		- Giới thiệu và thông qua Đoàn chủ tọa.
		- Giới thiệu Ban Thư ký Đại hội.
		- Bầu Ban kiểm phiếu
4		- Thông qua:
		+ Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
		+ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông.
5		Thông qua các Báo cáo, Tờ trình trình ĐHĐCĐ
		- Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2024, Kết quả thực hiện SXKD năm 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025.
		- Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025.

TT	Thời gian	Nội dung
		- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán
		- Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024
		- Tờ trình thông qua Quyết toán thù lao HĐQT và tiền lương, thù lao Ban Kiểm soát năm 2024; Kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao Ban Kiểm soát năm 2025.
		- Tờ trình thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.
6		- Phát biểu của lãnh đạo SCIC
7		Thảo luận & Biểu quyết
		- Phát biểu thảo luận các nội dung trong Báo cáo và Tờ trình trên.
		- Đề nghị biểu quyết thông qua các nội dung trong Báo cáo và Tờ trình.
8		- Nghỉ giải lao
9		- Trình bày Biên bản kiểm phiếu biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông.
10	11h40	Bế mạc Đại hội
		- Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.
		- Bế mạc Đại hội

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Chương I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (gọi tắt là Đại hội) của Tổng Công ty Sông Đà – CTCP.
2. Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức Đại hội, quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II:

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được người đại diện của tổ chức sở hữu cổ phần Tổng Công ty Sông Đà – CTCP ủy quyền tham dự họp (theo danh sách cổ đông của Tổng công ty do Trung tâm Lưu ký chứng khoán chốt ngày 25/03/2025).

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp;
- Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm thông báo mời họp Đại hội (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội:

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu Đại hội, 01 thẻ biểu quyết (01 thẻ xanh da trời), 01 phiếu biểu quyết (01 phiếu màu trắng) trong đó:

- Thẻ biểu quyết màu xanh da trời (Bao gồm các nội dung: Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (Sở hữu và/hoặc được ủy quyền);

- Phiếu biểu quyết màu trắng (Bao gồm các nội dung: Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (Sở hữu và/hoặc được ủy quyền); Các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến);

c) Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

d) Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban thư ký.

đ) Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp.

e) Tại Đại hội, các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo, tờ trình về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng nội dung bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết hoặc bằng hình thức bỏ Phiếu biểu quyết.

g) Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, có trang phục lịch sự, không đội mũ, không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

h) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền dự Đại hội đến muộn, có quyền đăng ký dự Đại hội, ngay sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông hoặc người đại diện cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã biểu quyết sẽ không bị ảnh hưởng.

i) Các cổ đông phải thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép. Tự túc về các chi phí để tham dự Đại hội (như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi...).

Điều 3. Chủ tọa đại hội

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội có số thành viên không quá 05 người gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, có chức năng điều khiển Đại hội. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty làm Chủ tọa Đại hội.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội:

a) Chủ trì, điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra một cách hợp thức và có trật tự đảm bảo hoàn thành nội dung chương trình Đại hội đề ra.

b) Chỉ định Ban Thư ký Đại hội.

c) Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

d) Hướng dẫn các cổ đông / đại diện cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự, quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội.

e) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

f) Trả lời những vấn đề do cổ đông/ đại diện cổ đông yêu cầu.

g) Bất cứ lúc nào Chủ tọa có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác tại một địa điểm khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 và Điều lệ Tổng công ty Sông Đà – CTCP) mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội (sau đây gọi tắt là Ban kiểm tra tư cách cổ đông) gồm 04 thành viên do Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà – CTCP chỉ định. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến họp dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình: kiểm tra Thẻ căn cước, Hộ chiếu, Thư mời họp, Giấy ủy quyền và các tài liệu kèm theo (nếu có); Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu của Đại hội; Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 5. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên do Chủ tọa Đại hội cử. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Chủ tọa.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Giúp Chủ tọa Đại hội kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết).

b) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

d) Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của các cổ đông, chuyển Chủ tọa quyết định.

e) Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết; Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội và xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;

b) Nhanh chóng tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung đề Chủ tọa thông báo trước Đại hội;

c) Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến trình tự bỏ phiếu, hướng dẫn ghi phiếu;

d) Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;

e) Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Chương III:

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Điều 8. Cách thức thảo luận và tiến hành biểu quyết

1. Nguyên tắc

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các nội dung trong chương trình Đại hội cổ đông;
- Cổ đông có ý kiến thảo luận đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa;
- Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Cách thức biểu quyết: Các nội dung biểu quyết trong chương trình Đại hội thực hiện theo quyết định của Chủ tọa với hình thức phù hợp với diễn biến Đại hội, cụ thể:

a) Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu:

- Việc biểu quyết các nội dung hợp sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín. Các nội dung biểu quyết được ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông/Đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án (Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến) vào từng nội dung cần lấy ý kiến (cổ đông/Đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải ký tên vào Phiếu biểu quyết).

- Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

+ Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến.

+ Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu được niêm phong.

- Các phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:

+ Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của Tổng công ty;

+ Phiếu bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa;

+ Phiếu có ghi nhiều ý kiến khác nhau trong cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đó không hợp lệ.

+ Không có chữ ký của cổ đông/Đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Thẻ biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

- Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Thẻ biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm



phiếu xin đổi lại Thẻ biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

b) Biểu quyết trực tiếp: Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Mục a Khoản 2 Điều 8 trên đây. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu (Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến) để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

a. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

b. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Tổng công ty do Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

c. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý; tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên của Tổng công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành.

d. Trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 3 của Điều này, còn lại các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 9. Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu

- Tổ chức kiểm phiếu: việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu không gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.

- Công bố kết quả kiểm phiếu: Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành, Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 10. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Ngoại trừ các vấn đề nêu tại Điều 10.2, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
- đ) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

Điều 11. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội lưu giữ tại Tổng công ty.

Chương IV:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm có 4 Chương 12 Điều có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Ban chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ của Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này. /

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn

Số: 01 /TCT-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Về hoạt động của HĐQT năm 2024, kết quả thực hiện
SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Sông Đà-CTCP (Tổng công ty) theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao, HĐQT Tổng công ty báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2024; Kết quả thực hiện SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025 của Tổng công ty như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

I. Cơ cấu của HĐQT:

Hội đồng quản trị TCT Sông Đà có 05 thành viên, trong đó có 01 chủ tịch và 04 thành viên HĐQT gồm:

- Ông Trần Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Anh Đức – Thành viên HĐQT kiêm TGĐ TCT
- Ông Nguyễn Anh Tùng – Thành viên HĐQT
- Ông Lê Văn Tuấn – Thành viên HĐQT
- Ông Đặng Quốc Bảo – Thành viên HĐQT

II. Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà đã thực hiện đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:

1. Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 24/5/2024.
2. Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 bao gồm:

a) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã họp định kỳ hàng quý và ban hành các Nghị quyết, quyết định theo đúng thẩm quyền và đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Số phiên họp thường kỳ: 04 phiên
 - Số phiên họp để giải quyết các hoạt động SXKD: 10 phiên
 - Số nghị quyết/quyết định ban hành: 135
- b) Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 bao gồm:
- Triển khai kế hoạch SXKD năm 2024
 - Chỉ đạo tổ chức công tác đấu thầu.
 - Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án.
 - Chỉ đạo công tác sắp xếp nhà đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
 - Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty theo mô hình Công ty cổ phần.
 - Chỉ đạo, giám sát việc tổ chức thi công các dự án trọng điểm đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả dự án.
 - Giám sát chỉ đạo việc thu hồi công nợ, cơ cấu nợ.
 - Chỉ đạo thực hiện công tác thoái vốn của Tổng công ty tại các đơn vị
 - Chỉ đạo, giám sát việc đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định nội bộ của Công ty, thỏa ước lao động tập thể;
 - Chỉ đạo và giám sát các nội dung khác liên quan đến trách nhiệm của HĐQT theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

3. Kết quả thực hiện SXKD năm 2024: Chi tiết tại Mục B dưới đây

III. Công tác quản trị Công ty

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, trong năm qua HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, thực hiện đầy đủ công tác báo cáo định kỳ, công bố thông tin theo quy định; thông qua các vấn đề thuộc quyền hạn, trách nhiệm của mình. Duy trì thường xuyên các phiên họp định kỳ và các phiên họp khác theo yêu cầu. Các thành viên HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc điều hành nhằm có sự thống nhất chung phương thức lãnh đạo, công tác tổ chức cán bộ, công tác sản xuất kinh doanh...để các hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của Tổng công ty.

Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thường xuyên cập nhật các quy định mới của pháp luật về quản trị công ty đại chúng cũng như các quy định khác có liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và nâng cao chất lượng quản trị của bộ máy quản lý nhà nước.

B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024.

1. Về thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024		THỰC HIỆN NĂM 2024		%HTKH NĂM	
			Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.800	1.360	6.886	1.398	101	103
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.600	1.345	6.420	1.390	97	103
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	530	50	586	37	111	74
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	470	992	485	160	103
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	525	430	856	484	163	113

2. Đánh giá chung:

Năm 2024, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng TCT đã tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2024 được ĐHĐCĐ thông qua. Hoàn thành chi trả cổ tức năm 2023 của Tổng công ty với tỷ lệ cổ tức 10%.
- Công tác thi công xây lắp: Thực hiện 3.426 tỷ đồng, đạt 101%KHN. Cơ bản hoàn thành mục tiêu tiến độ, đảm bảo chất lượng, an toàn các công trình. Đặc biệt hoàn thành đường dây 500kv mạch 3 đoạn Quảng Trạch – Phố Nối (Dự án trọng điểm quốc gia); Hoàn thành thi công thủy điện Yaly mở rộng góp phần đưa nhà máy vào phát điện.
- Về sản xuất và tiêu thụ điện: Thực hiện 2.620 tỷ đồng, đạt 103%KHN. Công tác quản lý vận hành các nhà máy điện an toàn, hiệu quả.
- Kinh doanh cho thuê văn phòng: Thực hiện 125 tỷ đồng, đạt 104%KHN. Công tác quản lý vận hành tòa nhà được đảm bảo. Diện tích ký hợp đồng cho thuê trong năm 2024 trên 22.500 m².
- Hoàn thành phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2023-2028.
- Hoàn thành tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024 của TCT Sông Đà - CTCP vào 24/5/2024; Thông qua nội dung và chỉ đạo các đơn vị tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo kế hoạch đề ra.
- Hoàn thành kiện toàn nhân sự Thành viên Hội đồng quản trị TCT nhiệm kỳ 2023-2028.
- Hoàn thành thông qua và biểu quyết phiếu lấy ý kiến cổ đông của CTCP Điện

Việt Lào về điều chỉnh BCNCKT Dự án thủy điện Xekaman 4 (10/6/2024)

- Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch dự án thủy điện Ngọc Tem lên 11MW. Nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án trong các lĩnh vực thủy điện, hạ tầng giao thông.
- Hoàn thành tăng vốn điều lệ của Công ty CP TĐ Nậm Chiến.
- Đã ký biên bản ghi nhớ với Powerchina và một số đối tác để nghiên cứu, tham gia dự án đường sắt tốc độ cao Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng.
- Công tác đấu thầu: Toàn TCT trúng thầu khoảng 3.000 tỷ đồng.
- Triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số của Tổng công ty.
- Thực hiện lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo chỉ đạo của UBQLVNN và SCIC đúng kế hoạch.
- Thực hiện công khai thông tin của TCT theo quy định.

3. Công tác quản lý kỹ thuật

- Công tác thi công xây lắp tại các công trường cơ bản đáp ứng yêu cầu về tiến độ, đảm bảo chất lượng và an toàn; các đơn vị sản xuất điện vận hành an toàn, hiệu quả.
- Công tác quản lý vận hành Tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình bảo đảm an toàn, tiện ích đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các hạng mục kỹ thuật năm 2024; thực hiện các công việc tồn tại theo báo cáo tư vấn của Savills.
- Hoàn thành đánh giá cấp lại chứng nhận hệ thống ISO tích hợp ISO 9001:2015; ISO 14001: 2015; ISO 45001:2018 của TCT. Cấp giấy chứng nhận đánh giá ESG (Môi trường, Xã hội, Quản trị).

4. Công tác tài chính tín dụng và tái cấu trúc doanh nghiệp

- Đã làm việc với Bộ Xây dựng về quyết toán vốn NN tại thời điểm chuyển sang CTCP.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty mẹ - TCT vào ngày 24/5/2024; Xem xét, thông qua báo cáo Người đại diện phần vốn trình tài liệu ĐHĐCĐ các đơn vị, chỉ đạo các đơn vị thực hiện tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 theo quy định.
- Đang xây dựng kế hoạch thoái vốn năm 2025 của TCT. Thông qua phương án thoái vốn của Sông Đà 12 tại CTCP Sông Đà Cao Cường.
- Hoàn thành tăng vốn điều lệ tại CTCP TĐ Nậm Chiến.
- Đã làm việc với Bộ Xây dựng, Bộ tài chính về việc miễn lãi chậm nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Làm việc với Bộ Tài chính và cơ quan có thẩm quyền về tái cơ cấu Xi măng Hạ Long.
- Hoàn thành chi trả cổ tức năm 2023 của Tổng công ty (cổ tức 10%).
- Tăng cường công tác thu vốn, thu hồi các khoản nợ, thu cổ tức; Làm việc với

Sử Pán 2, Điện Việt Lào, Licogi về thu hồi nợ.

- Hoàn thành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023, báo cáo tài chính bán niên năm 2024 toàn TCT và công ty Mẹ; Công khai thông tin theo quy định.

5. Công tác chiến lược đầu tư

- Phê duyệt và phổ biến Đề án tái cơ cấu lại TCT giai đoạn 2023-2028.

- Hoàn thành việc rà soát báo cáo tình hình thực hiện năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 của Tổng công ty để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua. Xây dựng kế hoạch định kỳ theo quy định; Làm việc với các đơn vị đẩy mạnh SXKD nhằm hoàn thành kế hoạch năm 2024 đã đề ra.

- Xây dựng kế hoạch 5 năm (2026-2030), năm 2025 của Tổng công ty; Xem xét kế hoạch năm 2025 của các đơn vị.

- Hoàn thành thông qua và biểu quyết phiếu lấy ý kiến cổ đông của CTCP Điện Việt Lào về BCNCKT Dự án thủy điện Xekaman 4 (10/6/2024).

- Lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo chỉ đạo của UBQLVNN và SCIC theo kế hoạch.

- Tổng công ty và các đơn vị đang đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án trong các lĩnh vực thủy điện, hạ tầng giao thông; Làm việc với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo - Bộ Công Thương về việc bổ sung Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; Đôn đốc Người đại diện phần vốn của TCT tại các đơn vị điện lập danh mục các dự án điện mặt trời trên lòng hồ, mở rộng NM thủy điện báo cáo bổ sung vào Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

- Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch thủy điện Ngọc Tem lên 11MW. Triển khai nghiên cứu các dự án thủy điện tại Lào.

- Làm việc với các cơ quan của TP Hà Nội về quy hoạch xây dựng lô đất G10; nghiên cứu, đề xuất phương án đầu tư dự án.

6. Công tác kinh tế

- Thủy điện Nam Theun 1: Ký biên bản thống nhất giá trị thanh toán và hết trách nhiệm nghĩa vụ của HĐ96, HĐ21 cho Sông Đà 9, Sông Đà 10; Hoàn thành giải quyết các thủ tục thanh toán cho nhà thầu thành viên (trong đó có Sông Đà).

- Thủy điện Xekaman 1: Đôn đốc BDH làm việc theo chủ trương đã thống nhất với VLP; Tiếp tục làm việc với VLP về thanh toán 1 phần giá trị giải tỏa bảo hành; Đã thuê chuyên gia quyết toán độc lập, tổ quyết toán phối hợp với chuyên gia xây dựng các phương án quyết toán để đề xuất với Chủ đầu tư.

- Hoàn thành quyết toán với chủ đầu tư dự án thủy điện Nậm Chiến; thực hiện quyết toán với các đơn vị thi công các dự án: Đồng Nai 5, Huội Quảng, Lai Châu, Hòa Na, Nậm Chiến, Italy mở rộng,....

- Hoàn thành gia hạn giấy phép hoạt động điện lực các NMTĐ Cần Đơn, Ry Ninh 2, Iagrai 3; Hoàn thành ký phụ lục phương án giá tạm TĐ Nậm Mu, Ryninh 2.

- Hoàn thành ký Biên bản xác nhận quyết toán hoàn thành hợp đồng dự án BOT Đèo Ngang với Cục đường bộ Việt Nam
- Hoàn thành ký hợp đồng gia hạn hợp đồng với nhà thầu quản lý vận hành tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình; phê duyệt kịp thời các dự toán phục vụ công tác quản lý vận hành, sửa chữa Tòa nhà đảm bảo công tác kinh doanh.
- Hoàn thành phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2023 và kế hoạch tiền lương năm 2024.

7. Công tác kinh doanh cho thuê nhà

Đã tập trung đẩy mạnh công tác kinh doanh, hiện nay tỷ lệ lấp đầy khoảng 90% diện tích. Công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng được đảm bảo.

8. Công tác tiếp thị đấu thầu

- Năm 2024, toàn TCT trúng thầu với giá trị khoảng 3.000 tỷ đồng.
- Đã tham gia đấu thầu và trúng thầu gói thầu xây lắp thủy điện Bác Ái; Tham gia đấu thầu thủy điện Xekong 4A&4B; Đã ký biên bản ghi nhớ với các đối tác để nghiên cứu, chuẩn bị tham gia dự án đường sắt tốc độ cao Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng.

9. Công tác tổ chức nhân sự

- Hoàn thành kiện toàn nhân sự Thành viên Hội đồng quản trị TCT nhiệm kỳ 2023-2028.
- Thực hiện các thủ tục của TCT về công tác cán bộ tại 16 đơn vị có vốn góp của Tổng công ty.
- Bổ nhiệm nhân sự Phó giám đốc các Ban: Chiến lược Đầu tư, BDH dự án hạ tầng & công nghiệp, Phó Chánh Văn phòng TCT; Bổ nhiệm lại Phó Tổng giám đốc TCT và Giám đốc Ban QLKTCN.
- HĐQT đang xem xét mô hình quản trị công ty và cơ cấu tổ chức TCT phù hợp với định hướng chiến lược của TCT.
- Hoàn thành đánh giá Người đại diện phần vốn của SCIC tại TCT Sông Đà năm 2023; Đánh giá Người đại diện phần vốn của TCT tại các đơn vị năm 2023.
- Hoàn thành phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động năm 2024 Công ty mẹ TCT.
- Đang rà soát, xây dựng thang bảng lương và phụ cấp lương của Cơ quan Công ty mẹ TCT.
- Đang rà soát, sửa đổi dự thảo các Quy chế: (1) Quản lý Người đại diện phần vốn, (2) Đánh giá Người đại diện phần vốn của TCT, (3) Phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ của TCT Sông Đà; Quy chế thi đua khen thưởng của TCT.

10. Công tác pháp chế và quản trị rủi ro

- Thực hiện công tác thẩm định pháp lý liên quan hoạt động của TCT.
- Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến TCT.
- Hỗ trợ Công ty CP Cơ khí lắp máy Sông Đà trong việc khiếu nại quyết định

thu hồi đất tại Hòa Bình; Sông Đà 5 trong vụ kiện Bắc Mê, Sông Đà 6 trong việc vướng mắc với Viettinbank, Sông Đà 12 liên quan đến khu đất 55 Sở Dầu.

- Rà soát, sửa đổi các qui chế, qui định phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành và của SCIC.

C. NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2025.

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Sông Đà-CTCP có những thuận lợi và khó khăn chính như sau:

1. Thuận lợi:

- Đảng, nhà nước đang tập trung thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả nhằm tạo ra những động lực mới, hiệu năng mới cho việc phát triển kinh tế - xã hội, đây là yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2023-2028 đã được phê duyệt.
- Tình hình tài chính của Tổng công ty ổn định.

2. Khó khăn:

- Hoạt động xây lắp ngày càng cạnh tranh.
- Một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp vẫn còn gặp khó khăn.
- Tại một số công trình Chủ đầu tư vẫn chưa thu xếp đủ vốn để thanh toán, dẫn đến giá trị dở dang, công nợ còn lớn, gây khó khăn về tài chính và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD của doanh nghiệp.
- Quy mô nguồn vốn cho công tác đầu tư còn hạn chế.
- Việc tuyển dụng nhân lực chất lượng cao gặp nhiều khó khăn.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025		TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG	
			Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	7.450	1.510	108	108
2	Tổng doanh thu	10 ⁹ đ	6.930	1.506	108	108
3	Nộp nhà nước	10 ⁹ đ	550	25	94	68
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	780	528	79	109
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁹ đ	725	523	85	108
6	Cổ tức (dự kiến)	%		10		

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tập trung triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025 của Tổng công ty.

2. Đảm bảo mục tiêu, tiến độ, chất lượng và an toàn các công trình xây dựng.
3. Tập trung chỉ đạo có hiệu quả công tác nghiệm thu, quyết toán, thu vốn, thu hồi các khoản nợ, thu cổ tức.
4. Tiếp tục làm việc với Bộ Xây dựng xác định xong giá trị của các căn chung cư tại khu đất cơ sở 2 Hà Đông; Đôn đốc Bộ Xây dựng phê duyệt quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang CTCP.
5. Tập trung công tác kinh doanh cho thuê văn phòng (Tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình), phấn đấu tỷ lệ lấp đầy trên 90%.
6. Các nhà máy điện vận hành an toàn, hiệu quả.
7. Tiếp tục phối hợp với Powerchina và các đối tác, khảo sát, nghiên cứu chuẩn bị tham gia thi công dự án đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải phòng.
8. Tập trung tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm, phấn đấu toàn TCT trúng thầu với giá trị khoảng 5.000 tỷ đồng.
9. Triển khai các thủ tục pháp lý dự án, phấn đấu khởi công thủy điện Ngọc Tem trong quý 4/2025. Tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án trong các lĩnh vực thủy điện, năng lượng tái tạo, dự án sản xuất công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, văn phòng cho thuê, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, và một số dự án hiệu quả khác.
10. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty đúng quy định. Thông qua các nội dung đề các đơn vị chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
11. Tiếp tục thực hiện công tác chuyển đổi số của Tổng công ty.
12. Rà soát, sửa đổi các qui chế, qui định phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành của Nhà nước.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quản lý kỹ thuật

- Chỉ đạo các đơn vị thi công tại các công trình trọng điểm bám sát mục tiêu, nhiệm vụ để tập trung lực lượng thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn; các nhà máy điện vận hành an toàn và hiệu quả.
- Quản lý vận hành Tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình: Thực hiện tốt công tác quản lý vận hành tòa nhà; Tổ chức thi công và nghiệm thu bổ sung về PCCC của tòa nhà theo thiết kế được Cơ quan chức năng thẩm duyệt; Thực hiện bảo trì bảo dưỡng định kỳ các hạng mục kỹ thuật năm 2025 theo kế hoạch.
- Tổ chức huấn luyện cho người sử dụng lao động, người lao động trong toàn Tổng công ty; Thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão và phòng chống cháy nổ tại các công trường, nhà máy của Tổng công ty.
- Triển khai thực hiện các công việc phục vụ cho công tác đánh giá duy trì chứng nhận cho Hệ thống quản lý tích hợp (ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018).

2. Công tác tài chính tín dụng và tái cấu trúc doanh nghiệp

- Hoàn thành công tác phê duyệt kết quả xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang CTCP; Ký biên bản bàn giao tài chính sang CTCP.
- Phê duyệt kế hoạch thoái vốn năm 2025; Tổ chức triển khai thực hiện thoái vốn các đơn vị theo kế hoạch đảm bảo hiệu quả.
- Tập trung chỉ đạo triển khai có hiệu quả công tác thu vốn, thu hồi công nợ. Cân đối đủ vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và trả nợ năm 2025 đúng hạn.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty đúng quy định. Thông qua các nội dung để các đơn vị chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Chỉ đạo làm việc với XMHL, Việt Lào, Sử Pán 2, Licogi về kế hoạch trả các khoản nợ.
- Chỉ đạo hoàn thành việc lập báo cáo tài chính năm 2024, báo cáo quý, báo cáo bán niên năm 2025 theo quy định.
- Tiếp tục làm việc với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan trong việc xin miễn lãi chậm nộp về quỹ HTPTDN.
- Thực hiện công khai thông tin của Tổng công ty theo đúng quy định.

3. Công tác chiến lược đầu tư

- Chỉ đạo xây dựng đầy đủ các báo cáo kế hoạch định kỳ theo quy định, kịp thời phục vụ cho công tác quản trị, điều hành SXKD, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu ĐHĐCĐ thông qua.
- Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 và 5 năm (2026-2030) của Tổng công ty phục vụ ĐH Đảng của TCT.
- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại TCT giai đoạn 2023-2028.
- Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thúc đẩy SXKD, nhằm hoàn thành KH năm 2025.
- Triển khai nghiên cứu cơ hội đầu tư dự án thủy điện tại Lào. Thực hiện các thủ tục đầu tư, phần đấu khởi công thủy điện Ngọc Tem trong quý 4/2025.
- Nghiên cứu đầu tư thiết bị, công nghệ mới đáp ứng yêu cầu năng lực thi công đường sắt cao tốc và nhà máy điện hạt nhân.
- Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án thuộc các lĩnh vực thủy điện, năng lượng tái tạo, dự án sản xuất công nghiệp, khu công nghiệp/ cụm công nghiệp, khu đô thị, văn phòng cho thuê, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội và các dự án hiệu quả khác; Chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị tăng cường nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án, triển khai các dự án đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
- Công tác chuyển đổi số: vận hành phần mềm quản lý nhiệm vụ, công việc phục vụ công tác điều hành của TCT.

4. Công tác kinh tế

- Chỉ đạo hoàn thành quyết toán, thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư các dự án: Xekaman 1, Xekaman 3.
- Chỉ đạo hoàn thành các đợt thanh toán, hoàn thành quyết toán hợp đồng với Chủ đầu tư dự án thủy điện Yaly mở rộng.
- Chỉ đạo hoàn thành quyết toán với các đơn vị thi công các DA: Đồng Nai 5, Huội Quảng, Lai Châu, Hủa Na, Nậm Chiến, Xekaman 1, Tuyên Quang, Đường Hồ Chí Minh, Nhà Quốc Hội, Italy mở rộng.
- Chỉ đạo hoàn thành giải quyết các nội dung liên quan đến JV theo thỏa thuận với Chủ đầu tư tại dự án thủy điện Namtheun 1.
- Làm việc với Cục Đường bộ Việt Nam thống nhất phương án tài chính và thực hiện quyết toán hợp đồng BOT dự án QL1A đoạn tránh Hà Tĩnh.
- Chỉ đạo các đơn vị rà soát giấy phép hoạt động điện lực, hợp đồng mua bán điện để thực hiện điều chỉnh nhằm đảm bảo các nhà máy hoạt động liên tục, đảm bảo hiệu quả dự án.
- Chỉ đạo TGD phê duyệt kịp thời các dự toán phục vụ công tác quản lý vận hành, sửa chữa tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình đảm bảo công tác kinh doanh tòa nhà.
- Phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2024 và KH tiền lương năm 2025.

5. Công tác kinh doanh cho thuê nhà

- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng thuê văn phòng tại Tòa nhà Sông Đà – Mỹ Đình, phần đầu tỷ lệ lấp đầy trên 90%.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông và tiếp thị trên các phương tiện thông tin đại chúng; công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng tại tòa nhà.

6. Công tác tiếp thị đấu thầu

- Triển khai công tác đấu thầu theo kế hoạch, phần đầu toàn TCT trúng thầu khoảng 5.000 tỷ đồng.
- Trúng thầu thủy điện Bắc Ái; Theo dõi kết quả đấu thầu dự án thủy điện Sêkông 4A&4B; Tham gia đấu thầu gói thầu xây lắp theo kế hoạch (*Đường giao thông trong nước; công trình đường dây trạm biến áp; Các dự án hồ chứa nước công trình thủy lợi; các dự án thủy điện, hạ tầng tại CHDCND Lào và một số dự án tại các nước trong khu vực như Nepal, Ấn Độ...*)
- Tiếp tục phối hợp với Powerchina và các đối tác, khảo sát, nghiên cứu chuẩn bị tham gia thi công dự án đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải phòng. Triển khai nghiên cứu và chuẩn bị các điều kiện để tham gia dự án điện hạt nhân.
- Tiếp tục củng cố, xây dựng bộ máy làm công tác đấu thầu từ Tổng công ty đến các đơn vị để tham gia đấu thầu các dự án, công trình theo kế hoạch.

7. Công tác tổ chức nhân sự

- Hoàn thành đánh giá Người đại diện phần vốn của SCIC tại TCT.
- Rà soát cử và giao lại phần vốn đối với Người đại diện phần vốn của TCT Sông Đà tại các Công ty con, Công ty liên kết phục vụ Đại hội đồng cổ đông năm

2025; Ký hợp đồng trách nhiệm đối với người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết (thay đổi trong năm 2025). Phê duyệt kết quả đánh giá Người đại diện phần vốn của TCT tại các công ty con, liên kết năm 2024.

- Chỉ đạo rà soát, sửa đổi quy định phân cấp công tác tổ chức, cán bộ của TCT và quy chế quản lý Người đại diện của TCT tại doanh nghiệp.
- Hoàn thành phê duyệt mô hình quản trị công ty và cơ cấu tổ chức TCT phù hợp với định hướng chiến lược của TCT.
- Hoàn thành phê duyệt định biên nhân lực và kế hoạch đào tạo năm 2025 của Công ty mẹ - Tổng công ty.
- Chỉ đạo thực hiện tuyển dụng nhân sự bổ sung làm việc tại dự án TĐ Tanahu (Nepal) và Hàm đường sắt Ấn Độ và các vị trí còn thiếu theo kế hoạch. Chuẩn bị nhân sự cho công trình thủy điện Bắc Ái, Sê Kông 4A&4B (nếu trúng thầu).
- Chỉ đạo thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động (lương, BHXH, BHYT, BHTN,...)
- Chỉ đạo thực hiện công tác thi đua khen thưởng và kê khai tài sản năm 2024.

8. Công tác pháp chế và quản trị rủi ro

- Chỉ đạo thực hiện công tác thẩm định pháp lý liên quan hoạt động của TCT.
- Chỉ đạo rà soát, sửa đổi các qui chế, qui định phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành của Nhà nước và của SCIC.
- Tiếp tục thực hiện kết luận sau Thanh tra của các cơ quan Thanh tra; Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến TCT (nếu có).
- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng năm 2025.

Trên đây là báo cáo kiểm điểm hoạt động của HĐQT Tổng công ty Sông Đà – CTCP năm 2024; Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025 của Tổng công ty. Rất mong các Quý vị cổ đông tham dự đại hội xem xét, thông qua để HĐQT Tổng công ty tiếp tục lãnh đạo, quản lý và điều hành Tổng công ty ngày càng hiệu quả hơn, xây dựng Tổng công ty Sông Đà – CTCP phát triển bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn



Số: 02/TCT-BKS

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Ban Kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin về Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Tổng công ty Sông Đà - CTCP nhiệm kỳ 2023 ÷ 2028 gồm có các thành viên:

TT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	BỔ NHIỆM
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban Kiểm soát	09/6/2023
2	Tổng Quang Vinh	Kiểm soát viên	09/6/2023
3	Hà Tuấn Linh	Kiểm soát viên	09/6/2023

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2024, các thành viên của Ban Kiểm soát Tổng công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty. Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, tổ chức họp định kỳ và tiến hành kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp; tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty. Cụ thể:

2.1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Trong đó trọng tâm giám sát:

- Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; việc ban hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Việc hoàn thiện và triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028.

- Công tác thu hồi vốn: Thu hồi các khoản công nợ phải thu (Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào ...). Thanh, quyết toán hợp đồng tại các công trình, dự án (thủy điện Xekaman 3, Xekaman 1 ...).

- Công tác thị trường tìm việc làm; tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án thủy điện, năng lượng tái tạo, các dự án khác trong và ngoài nước để tận dụng các nguồn lực hiện có của Sông Đà.

- Công tác xây dựng và ban hành hệ thống các quy trình, quy chế quản trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện vốn tại các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp).

2.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.

2.3. Làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập; giám sát công tác kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2024 và công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty. Xem xét báo cáo kiểm toán, thư quản lý do đơn vị kiểm toán độc lập phát hành.

2.4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo: Báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty; Báo cáo tài chính năm hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

2.5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

2.6. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty (khi được mời).

2.7. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2.8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong quá trình thực hiện giám sát, khi phát hiện có những tồn tại, bất cập trong các mặt hoạt động của Tổng công ty; phát hiện các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty có dấu hiệu mất an toàn tài chính. Ban Kiểm soát đều có thông báo bằng văn bản tới Hội đồng quản trị Tổng công ty để chỉ đạo các cá nhân, tổ chức liên quan, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khẩn trương xây dựng và thực hiện ngay các biện pháp để khắc phục những tồn tại, bất cập trong các mặt hoạt động của Tổng công ty; ngăn chặn, khắc phục các nguy cơ mất an toàn tài chính doanh nghiệp, rủi ro, yếu kém trong công tác quản lý điều hành tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Đánh giá công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Trọng tâm những công tác sau:

1.1. Công tác tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Năm 2024, Tổng công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn không những từ các áp lực bên ngoài để thích nghi theo môi trường kinh doanh đã có những biến đổi về cơ bản, mà còn từ những khó khăn ngay trong nội tại Tổng công ty. Những khó khăn, vướng mắc tồn tại từ trước cổ phần hóa đã và đang từng bước được tháo gỡ, tuy nhiên vẫn còn các vấn đề tồn tại chưa thể tháo gỡ triệt để. Tổng công ty hiện vẫn còn gặp khó khăn trong công tác tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính, thu hồi công nợ và tìm kiếm việc làm.

Trước những khó khăn nêu trên, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty đã rất nỗ lực đề ra các giải pháp để tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, chỉ đạo quyết liệt công tác sản xuất kinh doanh, công tác nghiệm thu, thanh toán thu hồi vốn, công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm trong toàn Tổng công ty và đã đạt được những kết quả khả quan. Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông đã phản ánh đúng thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Kết quả như sau:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024		THỰC HIỆN NĂM 2024		HOÀN THÀNH KH NĂM	
			Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ	Toàn TCT	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	6.800	1.360	6.886	1.398	101%	103%
2	Doanh thu	10 ⁹ đ	6.600	1.345	6.420	1.390	97%	103%
3	Nộp Nhà nước	10 ⁹ đ	530	50	586	37	111%	74%
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	620	470	992	485	160%	103%

1.2. Công tác thanh, quyết toán hợp đồng tại các công trình, dự án:

Tổng công ty đã và đang tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc với các chủ đầu tư. Đang tập trung làm việc với chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc để nghiệm thu thanh, quyết toán tại dự án thủy điện Xekaman 1; tuy nhiên công tác này đang tiến triển khá chậm.

1.3. Công tác thu hồi công nợ:

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng công tác thu hồi công nợ của Tổng công ty và các công ty con hoạt động trong lĩnh vực xây lắp vẫn còn chậm, do gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về hồ sơ, chủ đầu tư thiếu vốn thanh toán; giá trị dở dang, công nợ phải thu còn rất lớn, nên Tổng công ty và các công ty con hoạt động trong lĩnh vực xây lắp đang gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối dòng tiền tạo ra với nhu cầu vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

1.4. Công tác hoàn thiện và triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028:

Đã phê duyệt và phổ biến Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028.

2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty:

Sau khi xem xét, rà soát một cách khách quan và toàn diện tất cả các khía cạnh liên quan đến tình hình tài chính của Tổng công ty. Phân tích, đánh giá các thông tin tài chính. Ban Kiểm soát nhận xét, đánh giá như sau:

2.1. Về chất lượng và độ tin cậy của Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Theo đơn vị kiểm toán thì:

- Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

- Báo cáo tài chính hợp nhất có ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với hai công ty con được hợp nhất là Sông Đà 4, Sông Đà 6. Có ý kiến nhấn mạnh về các báo cáo tài chính của một số công ty con được hợp nhất đang tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu, dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các công ty này. Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và các rủi ro tiềm ẩn: Năm 2024, Tổng công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu được ĐHCĐ thường niên thông qua, đảm bảo có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn của các chủ sở hữu tại Tổng công ty. Những khó khăn, tồn tại về tài chính của Tổng công ty từ trước cổ phần hóa đang dần được khắc phục. Triển vọng tình hình tài chính của Tổng công ty trong thời gian tới từng bước sẽ ổn định hơn.

Tuy nhiên, tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà - CTCP vẫn còn tồn tại những rủi ro nhất định. Tài sản của Tổng công ty hiện đang tập trung chủ yếu ở các khoản phải thu và các khoản đầu tư tài chính, trong đó nhiều tài sản hiện đang có tính thanh khoản thấp nên rủi ro còn cao. Công tác thu hồi vốn tại các công trình, dự án (như các dự án thủy điện của Điện Việt Lào, và một số công trình, dự án do các công ty con tự tìm kiếm, đấu thầu ...), thu hồi các khoản phải thu của Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào ... còn rất chậm; một số khoản đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp hiệu quả thấp hoặc không có hiệu quả; một số khoản tiền cổ tức, lợi nhuận được chia còn tình trạng để nợ đọng nhiều năm chưa thu được (đối với từng vấn đề cụ thể, Ban Kiểm soát đã có ý kiến trực tiếp tại các cuộc họp, hoặc ý kiến bằng văn bản gửi tới Hội đồng quản trị Tổng công ty). Thực trạng này đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty và đặc biệt là các công ty con hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty:

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty đã hoạt động theo quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Tổng công ty; tuân thủ pháp luật; thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, công tác hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty vẫn còn chậm.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị (có mời Ban Kiểm soát tham dự) được thực hiện theo quy định, đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu quản trị và tình hình phát triển kinh doanh của Tổng công ty. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, định hướng hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, xây dựng kế hoạch và các nội dung thuộc thẩm quyền.

Tổng giám đốc Tổng công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo chức năng, nhiệm vụ và đúng thẩm quyền.

Trước tình trạng còn nhiều khó khăn, tồn tại của Tổng công ty, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã nghiêm túc kiểm điểm, nhận diện các hạn chế, tồn tại của nội bộ Tổng công ty để đưa ra những biện pháp cụ thể nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, khắc phục tình trạng tài chính, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty:

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát Tổng công ty được Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty đã có mối quan hệ phối hợp tốt trong công tác quản lý, điều hành và kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp Tổng công ty.

Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (khi được mời), tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát. Những kiến nghị của Ban Kiểm soát Tổng công ty đều được ghi nhận và thực hiện.

III. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong 2024, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty đã rất nỗ lực trong việc duy trì sự ổn định, từng bước khắc phục những tồn tại phát sinh từ nhiều năm trước, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua. Để Tổng công ty Sông Đà - CTCP hoạt động ổn định, hiệu quả và ngày càng phát triển trong những năm tới, Ban Kiểm soát kiến nghị về một số vấn đề cấp bách như sau:

1. Xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Sông Đà - CTCP giai đoạn 2023 ÷ 2028.

2. Đẩy mạnh công tác thu hồi vốn để không làm thất thoát, mất vốn; hạn chế tối đa tình trạng bị chiếm dụng vốn, tài sản, nhằm tập trung tối đa nguồn lực tài chính cho phát triển mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đầu tư trong toàn Tổng công ty. Trong đó:

- Cần có biện pháp cần thiết và quyết liệt hơn nữa trong việc thu hồi các khoản công nợ phải thu tại: Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào, Sử Pán 2, Licogi ...

- Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc về hồ sơ, đẩy mạnh công tác thanh, quyết toán, thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư tại các công trình, dự án: Thủy điện Xekaman 1, Xekaman 3 ...

- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn. Đối với những khách nợ thiếu thiện chí, cần đưa ra pháp luật để giải quyết, nhất là đối với các khách nợ là chủ đầu tư/tổng thầu các công trình, dự án do các công ty con, công ty liên kết tự tìm kiếm, đấu thầu.

3. Đẩy mạnh công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy kết hợp đổi mới quản trị doanh nghiệp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với mô hình quản trị của Tổng công ty.

4. Tập trung cho công tác thị trường tìm việc làm, tích cực tham gia đấu thầu các công trình, dự án trong và ngoài nước trong đó ưu tiên các lĩnh vực thi công, xây dựng là ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Sông Đà. Nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án thủy điện hoặc năng lượng tái tạo trong và ngoài nước để tận dụng các nguồn lực hiện có của Sông Đà.

5. Tổ chức kiểm điểm, đánh giá tình hình hoạt động và trách nhiệm của Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ. Từ đó đề ra các giải pháp hữu hiệu để cải thiện công tác quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết nhằm bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp này.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY

Xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Cụ thể:

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Trong đó trọng tâm giám sát:

- Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; việc ban hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu

quả, tuân thủ pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và đổi mới quản trị doanh nghiệp. Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với mô hình quản trị của Tổng công ty.

- Công tác thu hồi vốn: Thu hồi các khoản công nợ phải thu (Xi măng Hạ Long, Điện Việt Lào ...). Thanh, quyết toán hợp đồng tại các công trình, dự án (thủy điện Xekaman 3, Xekaman 1 ...).

- Công tác thị trường tìm việc làm; tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án thủy điện, năng lượng tái tạo, các dự án khác trong và ngoài nước để tận dụng các nguồn lực hiện có của Sông Đà.

- Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện vốn tại các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp).

- Các nhiệm vụ trọng tâm khác.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Tổng công ty.

3. Làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập; giám sát công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, công tác kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2025 của Tổng công ty.

4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo:

- Báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty;

- Báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty;

- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

5. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

7. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty (khi được mời).

10. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động

của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

11. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

12. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

13. Giám sát tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty. Đánh giá hiệu quả và mức độ bảo toàn, phát triển vốn đầu tư của Tổng công ty; tình hình thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty.

14. Thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát trực tiếp/gián tiếp đối với công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty (nếu xét thấy cần thiết). Giám sát tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát Tổng công ty.

15. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

16. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên,
- HĐQT, BKS TCT,
- Lưu BKS, VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Thắng

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TCT SÔNG ĐÀ - CTCP

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2024 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

Tổng công ty Sông Đà - CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2024 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Tổng công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2024:

+ Tổng tài sản:	13.130.791.898.605, đồng
Trong đó: Tài sản ngắn hạn	5.626.035.298.473, đồng
Tài sản dài hạn	7.504.756.600.132, đồng
+ Tổng nguồn vốn:	13.130.791.898.605, đồng
Trong đó: Nợ phải trả	7.436.571.702.911, đồng
Nguồn vốn chủ sở hữu	5.694.220.195.694, đồng
+ Tổng doanh thu	1.390.481.769.959, đồng
+ Lợi nhuận trước thuế	484.580.838.276, đồng
+ Lợi nhuận sau thuế	484.156.819.388, đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT; BKS TCT;
- Lưu: VP TCT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	13 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (sau đây được gọi là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Tuấn	Chủ tịch	
Ông Trần Anh Đức	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/05/2024
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/05/2024

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban
Ông Tống Quang Vinh	Thành viên
Ông Hà Tuấn Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Anh Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng giám đốc	Từ nhiệm ngày 19/04/2024
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng giám đốc	

Kế toán trưởng của Tổng Công ty là Ông Vũ Đức Quang.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Anh Đức

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Số: 488/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh không làm thay đổi ý kiến của kiểm toán viên nêu trên.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.626.035.298.473	5.875.654.813.234
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	481.306.921.723	843.909.844.663
Tiền	111		450.181.921.723	634.709.844.663
Các khoản tương đương tiền	112		31.125.000.000	209.200.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.799.209.773.030	1.656.330.384.434
Chứng khoán kinh doanh	121	6.1	172.618.561	172.618.561
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.2	1.799.037.154.469	1.656.157.765.873
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.323.779.909.719	3.335.833.011.202
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	643.272.201.749	775.382.393.392
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	62.999.544.239	51.360.142.260
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	3.138.597.339.889	3.084.258.483.180
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.302.001.703.448	1.293.385.630.944
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.823.090.879.606)	(1.868.553.638.574)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		-	1.763.412
Hàng tồn kho	141		-	1.763.412
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.738.694.001	39.579.809.523
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	2.496.007.616	3.054.100.650
Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.101.812.749	19.740.182.849
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	140.873.636	16.785.526.024
Giao dịch mua bán lại trái phiếu	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.504.756.600.132	7.210.646.102.054
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.168.191.669.999	1.163.596.384.051
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	501.980.127.025	485.116.218.890
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	666.211.542.974	678.480.165.161
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		711.532.930.099	745.453.088.673
Tài sản cố định hữu hình	221	12	711.490.663.235	745.385.003.629
- Nguyên giá	222		1.099.694.298.135	1.099.473.644.498
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(388.203.634.900)	(354.088.640.869)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	13	42.266.864	68.085.044
- Nguyên giá	228		1.792.138.668	1.792.138.668
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.749.871.804)	(1.724.053.624)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		48.849.426.755	48.849.426.755
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		48.849.426.755	48.849.426.755
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.3	5.549.921.883.506	5.245.114.862.580
Đầu tư vào công ty con	251		4.297.407.250.939	3.868.624.290.939
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.965.728.798.410	1.965.728.798.410
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		172.567.765.095	172.567.765.095
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(885.781.930.938)	(761.805.991.864)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		26.260.689.773	7.632.339.995
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		26.260.689.773	7.632.339.995
TỔNG TÀI SẢN	270		13.130.791.898.605	13.086.300.915.288

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.436.571.702.911	7.419.343.526.982
Nợ ngắn hạn	310		4.428.151.933.382	4.248.550.405.734
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.050.142.824.448	1.110.982.504.038
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	307.705.264.902	122.874.837.052
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.402.720.828	1.576.710.308
Phải trả người lao động	314		17.927.128.306	20.102.140.937
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	348.131.228.267	377.131.464.292
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	29.893.855.531	43.640.372.768
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	830.312.120.420	770.735.605.567
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1.824.245.835.237	1.789.590.960.334
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	16.390.955.443	11.915.810.438
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		3.008.419.769.529	3.170.793.121.248
Phải trả người bán dài hạn	331	14	779.123.547.603	906.055.404.849
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	132.949.055.524	136.784.124.432
Phải trả dài hạn khác	337	20	77.029.775.222	72.947.309.442
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	2.019.317.391.180	2.055.006.282.525
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.694.220.195.694	5.666.957.388.306
Vốn chủ sở hữu	410	22	5.694.220.195.694	5.666.957.388.306
Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		663.640.583.667	544.743.759.363
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		535.208.492.027	626.842.508.943
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		51.051.672.639	230.519.761.264
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		484.156.819.388	396.322.747.679
TỔNG NGUỒN VỐN	440		13.130.791.898.605	13.086.300.915.288

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu.

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Anh Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	595.967.048.535	926.075.487.240
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		595.967.048.535	926.075.487.240
Giá vốn hàng bán	11	24	521.240.473.507	765.561.133.494
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.726.575.028	160.514.353.746
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	790.984.801.339	986.512.674.303
Chi phí tài chính	22	26	369.472.487.024	739.413.694.845
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		228.220.568.578	287.206.191.012
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	15.185.304.032	(392.318.636)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		481.053.585.311	408.005.651.840
Thu nhập khác	31	28	3.529.920.085	1.291.736.894
Chi phí khác	32	29	2.667.120	18.200.000
Lợi nhuận khác	40		3.527.252.965	1.273.536.894
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		484.580.838.276	409.279.188.734
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	19.052.368.666	12.532.422.167
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(18.628.349.778)	424.018.888
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		484.156.819.388	396.322.747.679

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Anh Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**(Theo phương pháp gián tiếp)***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		484.580.838.276	409.279.188.734
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		34.140.812.211	34.100.215.950
Các khoản dự phòng	03		78.513.180.106	344.677.404.965
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		16.719.838.240	31.537.754.669
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(790.984.801.339)	(986.347.799.234)
Chi phí lãi vay	06		228.220.568.578	287.206.191.012
Các điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		51.190.436.072	120.452.956.096
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		103.229.128.505	(75.344.226.252)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.763.412	4.798.179
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		267.234.524.173	(183.406.289.436)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		558.093.034	708.278.548
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(471.212.234.829)	(285.480.996.314)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(68.857.396.724)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.881.754.995)	(1.734.249.997)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(51.880.044.628)	(493.657.125.900)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(220.653.637)	(382.156.818)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(144.000.000.000)	(55.294.907.751)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.120.000.000	732.923.349.084
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(428.782.960.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	485.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		758.924.720.026	1.011.029.359.778
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		209.041.106.389	1.688.760.644.293

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)**(Theo phương pháp gián tiếp)***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(84.286.989.800)	(30.841.150.161)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(449.537.112.000)	(449.469.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(533.824.101.800)	(480.310.750.161)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(376.663.040.039)	714.792.768.232
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	843.909.844.663	127.944.063.243
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	14.060.117.099	1.173.013.188
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	481.306.921.723	843.909.844.663

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc

**Trần Anh Đức**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Sông Đà (Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo quyết định số 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 06 năm 2023 thay đổi Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Trụ sở chính của Tổng Công ty hiện đặt tại Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh điện, xây lắp và kinh doanh bất động sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng.
- Các ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; xuất khẩu lao động; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; khách sạn; dịch vụ nổ mìn.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**(a) Các công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	Tiểu khu 5, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	74,41%	74,41%	68,93%	68,93%
2. Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, Bình Phước	Sản xuất điện thương phẩm	50,96%	50,96%	50,96%	50,96%
3. Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Số 96 Phạm Văn Đồng, Hoa Lư, Thành phố Pleiku, Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
4. Công ty CP Sông Đà 3	Tổ 4, đường Võ Nguyên Giáp, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, Kon Tum	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
5. Công ty CP Sông Đà 4	KĐT Văn Khê, phường La Khê, Quận Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
6. Công ty CP Sông Đà 5	Tòa nhà HH4, phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%	64,16%
7. Công ty CP Sông Đà 6	KĐT Văn Khê, phường La Khê, Quận Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
8. Công ty CP Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%	58,50%
9. Công ty CP Sông Đà 10	Tòa nhà Sông Đà, Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%	62,27%
10. Công ty CP Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%	51,01%
11. Công ty CP PCCC và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	P501 tầng 5 số 121 Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
12. Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	Nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

(b) Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty CP Điện Việt Lào	Tầng 9, khu B, tòa nhà HH4, Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất điện thương phẩm	35,11%	35,11%	35,11%	35,11%
2. Công ty CP Sông Đà 2	Km 10, đường Nguyễn Trãi, Văn Quán, Quận Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%	40,77%
3. Công ty CP BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lư, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%	28,65%
4. Công ty CP Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	Bất động sản	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
6. Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 5, nhà G10, đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
7. Công ty CP Sông Đà 12	SV05-01, Khu Đô thị Văn Phú, Phú La, Quận Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
8. Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%	46,15%
9. Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	Xã Phú Riềng, Huyện Phú Riềng, Bình Phước	SX, XNK cao su	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%

(c) Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	Xã Chiềng Lao, huyện Mường La, Sơn La
2. Văn phòng Đại diện Tổng công ty Sông Đà - Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, Lai Châu
3. Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	Xã Ít Ong, huyện Mường La, Sơn La
4. Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, Kon Tum
5. Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Thôn 5, xã Đăk Sin, huyện Đăk R'Lấp, Đăk Nông
6. Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ	Xã Yên Na, huyện Tương Dương, Nghệ An
7. Ban điều hành Dự án Nhà máy Thủy điện Tích năng Bắc Ái - Chi nhánh Tổng công ty Sông Đà - CTCP	153 Trần Nhân Tông, Tổ 7, phường Thắng Lợi, Thành phố Kon Tum, Kon Tum
8. Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Giang Nam, Quảng Nam
9. Ban điều hành gói thầu số 4	Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam
10. Ban quản lý Dự án Thủy điện Sê Kông 3	Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

1.8 NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 114 người (tại ngày 01/01/2024 là 119 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Tổng Công ty đang nắm giữ các loại chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý trên thị trường thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: Giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom): Giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu niêm yết đã bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: Việc trích lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư, mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tổng Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Riêng Chứng khoán kinh doanh của Công ty mẹ là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm của Tổng Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Góp vốn liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Phương pháp tính giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ được lựa chọn phù hợp với từng loại hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***3.7 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho tại Tổng Công ty có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang; việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 47
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Tài sản cố định khác	03 - 10

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm.

Đối với các tài sản cố định vô hình được mua sắm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (31/12/2014): Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2014 được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: Chi phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

3.11 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm các khoản chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí công trình xây dựng, tiền chậm nộp quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp và các chi phí phải trả khác.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***3.13 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.14 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng và doanh thu nhận trước tiền xây dựng công trình. Tổng Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Tổng Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.16 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, xây lắp, cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập. Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tổng Công ty, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	780.929.374	1.973.090.065
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	449.400.992.349	632.736.754.598
- Các khoản tương đương tiền	31.125.000.000	209.200.000.000
Cộng	481.306.921.723	843.909.844.663

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng.

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.496.007.616	3.054.100.650
Các khoản khác	2.496.007.616	3.054.100.650
b) Dài hạn	-	-
Cộng	2.496.007.616	3.054.100.650

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**6.1 Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh gồm các cổ phiếu được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam, được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS với Tổng công ty Sông Đà.

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.799.037.154.469	1.799.037.154.469	1.656.157.765.873	1.656.157.765.873
Tiền gửi có kỳ hạn	1.799.037.154.469	1.799.037.154.469	1.656.157.765.873	1.656.157.765.873
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.799.037.154.469	1.799.037.154.469	1.656.157.765.873	1.656.157.765.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**6.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****(a) Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	1.409.977.276.519	981.194.316.519
- Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	1.010.880.360.000	1.010.880.360.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	228.073.875.831	228.073.875.831
- Công ty CP Sông Đà 3	64.464.000.000	64.464.000.000
- Công ty CP Sông Đà 4	72.975.500.000	72.975.500.000
- Công ty CP Sông Đà 5	196.843.824.000	196.843.824.000
- Công ty CP Sông Đà 6	339.023.100.000	339.023.100.000
- Công ty CP Sông Đà 9	305.867.224.224	305.867.224.224
- Công ty CP Sông Đà 10	417.736.289.900	417.736.289.900
- Công ty CP Tư vấn Sông Đà	15.973.200.000	15.973.200.000
- Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	12.750.000.000	12.750.000.000
- Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	222.842.600.465	222.842.600.465
Cộng	4.297.407.250.939	3.868.624.290.939

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Giá trị ghi sổ	4.297.407.250.939	3.868.624.290.939
- Dự phòng	(637.488.799.734)	(542.226.956.403)

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty CP BOT Quốc lộ 2	128.215.909.014	128.215.909.014
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	84.000.000.000	84.000.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.504.398.126	3.504.398.126
- Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	100.000.000.000	100.000.000.000
- Công ty CP Phát triển Nhà Khánh Hòa	20.887.000.000	20.887.000.000
- Công ty CP Điện Việt Lào	1.546.238.316.070	1.546.238.316.070
- Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	23.838.175.200	23.838.175.200
- Công ty CP Sông Đà 12	12.005.000.000	12.005.000.000
- Công ty CP Sông Đà 2	47.040.000.000	47.040.000.000
Cộng	1.965.728.798.410	1.965.728.798.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp)**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Giá trị ghi sổ	1.965.728.798.410	1.965.728.798.410
- Dự phòng	(271.974.883.902)	(215.074.188.747)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000	538.200.000
- Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	55.396.800.278	55.396.800.278
- Tập đoàn Hà Thành	110.000.000	110.000.000
- Công ty CP Thủy điện Đăkdrinh	13.082.914.986	13.082.914.986
- Công ty CP Kỹ thuật điện Sông Đà	165.300.000	165.300.000
- Công ty CP Thủy điện Sơn Trà Sông Đà	1.536.000.000	1.536.000.000
- Công ty CP Sông Đà Đất Vàng	5.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty CP Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000	300.000.000
- Công ty CP Sông Đà Nha Trang	5.930.749.831	5.930.749.831
- Công ty CP Công nghiệp Cao su COECCO	4.573.200.000	4.573.200.000
- Công ty CP Khai thác & Chế biến Khoáng sản Sông Đà	25.724.000.000	25.724.000.000
- Công ty CP Thủy điện Hồ Bốn	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Thủy điện Hương Sơn	6.390.500.000	6.390.500.000
- Công ty CP Sông Đà 11	51.820.100.000	51.820.100.000
Cộng	172.567.765.095	172.567.765.095

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Giá trị ghi sổ	172.567.765.095	172.567.765.095
- Dự phòng	(4.504.846.714)	(4.504.846.714)

Tình hình biến động dự phòng cho các nhà đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Số đầu kỳ	761.805.991.864	349.275.980.654
+ Trích lập dự phòng	123.975.939.074	412.530.011.210
+ Hoàn nhập dự phòng	-	-
- Số cuối kỳ	885.781.930.938	761.805.991.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	643.272.201.749	775.382.393.392
- Phải thu các bên liên quan	444.101.143.482	550.193.752.297
+ Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	-	67.364.460.663
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 1	163.945.840.003	224.294.270.168
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 3	269.088.812.310	256.209.165.835
+ Công ty CP Sông Đà 4	1.893.033.744	-
+ Công ty CP Sông Đà 6	475.010.125	475.010.125
+ Công ty CP Sông Đà 10	724.846.381	-
+ Công ty CP Sông Đà 12	1.302.179.139	1.580.598.208
+ Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	1.675.103.394	-
+ Công ty CP Tư vấn Sông Đà	28.683.535	-
+ Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	137.039.351	-
+ Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà	4.516.279.202	-
- Ucrin		
+ Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	309.316.298	270.247.298
+ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.000.000	-
- Phải thu các khách hàng khác	199.171.058.267	225.188.641.095
b) Dài hạn	501.980.127.025	485.116.218.890
- Phải thu các bên liên quan	501.980.127.025	484.922.120.942
+ Công ty CP Điện Việt Lào	19.002.468.644	19.002.468.644
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 1	133.855.924.989	133.508.255.037
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 3	349.121.733.392	332.411.397.261
- Phải thu các khách hàng khác	-	194.097.948
Cộng	1.145.252.328.774	1.260.498.612.282

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	62.999.544.239	51.360.142.260
- Trả trước cho các bên liên quan	18.940.251.208	8.285.954.607
+ Công ty CP Sông Đà 12	1.961.835.591	1.961.835.591
+ Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	260.568.300	88.567.047
+ Công ty CP tư vấn Sông Đà	800.000.000	-
+ Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	15.917.847.317	6.235.551.969
- Trả trước cho đơn vị khác	44.059.293.031	43.074.187.653
b) Dài hạn	-	-
Cộng	62.999.544.239	51.360.142.260

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.138.597.339.889	3.084.258.483.180
- Phải thu các bên liên quan	732.938.229.391	698.615.139.837
+ Công ty CP Điện Việt Lào	719.149.386.696	689.250.297.527
+ Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	5.752.419.275	4.984.623.302
+ Công ty CP Sông Đà 4	8.036.423.420	4.380.219.008
- Phải thu các tổ chức khác	2.405.659.110.498	2.385.643.343.343
+ Công ty CP Xi măng Hạ Long	2.369.555.925.071	2.347.540.157.916
+ Các đối tượng khác	36.103.185.427	38.103.185.427
b) Dài hạn	666.211.542.974	678.480.165.161
- Phải thu các bên liên quan	139.250.438.082	141.824.978.428
+ Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	87.031.524.919	88.640.610.297
+ Công ty CP Sông Đà 4	52.218.913.163	53.184.368.131
- Phải thu các tổ chức khác	526.961.104.892	536.655.186.733
+ Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	526.861.104.892	536.555.186.733
+ Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
Cộng	3.804.808.882.863	3.762.738.648.341

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.302.001.703.448	1.293.385.630.944
- Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	353.462.051.236	359.917.651.236
+ Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	235.942.377.600	235.942.377.600
+ Công ty CP Sông Đà 4	13.390.000.000	13.390.000.000
+ Công ty CP Sông Đà 6	51.983.542.000	51.983.542.000
+ Công ty CP Sông Đà 9	28.037.721.600	28.037.721.600
+ Công ty CP Sông Đà 12	735.000.000	735.000.000
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	21.776.000.000	28.131.600.000
+ Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.597.410.036	1.697.410.036
- Phải thu các bên liên quan	39.403.928.083	36.619.437.925
+ Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	827.525.092	819.361.682
+ Công ty TNHH MTV Xekaman 1	116.558.759	116.558.759
+ Công ty CP Sông Đà 3	81.320.432	81.320.432
+ Công ty CP Sông Đà 4	8.273.330.241	-
+ Công ty CP Sông Đà 6	830.742.791	6.465.080.509
+ Công ty CP Sông Đà 9	238.194.259	238.194.259
+ Công ty CP Sông Đà 10	10.738.402.623	10.601.068.398
+ Công ty CP Tư vấn Sông Đà	69.000.000	69.000.000
+ Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	18.223.427.249	18.223.427.249
+ Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	5.426.637	5.426.637
- Phải thu các tổ chức và các nhân khác	909.135.724.129	896.848.541.783
+ Công ty CP Xi măng Hạ Long	734.566.586.499	584.506.655.960
+ Phải thu khác	174.569.137.630	312.341.885.823
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.302.001.703.448	1.293.385.630.944

11. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Số đầu kỳ	1.868.553.638.574	1.936.406.244.819
+ Trích lập dự phòng	46.687.911.224	56.821.687.179
+ Hoàn nhập dự phòng	(92.150.670.192)	(124.674.293.424)
- Số cuối kỳ	1.823.090.879.606	1.868.553.638.574

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2024	682.981.810.198	88.310.489.012	44.825.980.551	12.210.111.383	271.145.253.354	1.099.473.644.498
Mua trong năm	-	-	-	220.653.637	-	220.653.637
31/12/2024	682.981.810.198	88.310.489.012	44.825.980.551	12.430.765.020	271.145.253.354	1.099.694.298.135
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2024	(140.371.744.745)	(64.486.514.425)	(28.391.801.925)	(12.028.071.127)	(108.810.508.647)	(354.088.640.869)
Khấu hao trong năm	(16.869.166.584)	(5.678.077.416)	(886.029.228)	(74.964.351)	(10.606.756.452)	(34.114.994.031)
31/12/2024	(157.240.911.329)	(70.164.591.841)	(29.277.831.153)	(12.103.035.478)	(119.417.265.099)	(388.203.634.900)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2024	542.610.065.453	23.823.974.587	16.434.178.626	182.040.256	162.334.744.707	745.385.003.629
31/12/2024	525.740.898.869	18.145.897.171	15.548.149.398	327.729.542	151.727.988.255	711.490.663.235

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 689.540.482.703 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 724.127.710.641 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 40.964.106.471 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 40.663.557.471 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2024	337.478.200	1.187.205.923	267.454.545	1.792.138.668
31/12/2024	337.478.200	1.187.205.923	267.454.545	1.792.138.668
HAO MÒN LUY KẾ				
01/01/2024	(337.478.200)	(1.187.205.923)	(199.369.501)	(1.724.053.624)
Khấu hao trong năm	-	-	(25.818.180)	(25.818.180)
31/12/2024	(337.478.200)	(1.187.205.923)	(225.187.681)	(1.749.871.804)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2024	-	-	68.085.044	68.085.044
31/12/2024	-	-	42.266.864	42.266.864

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 1.714.684.123 đồng (tại ngày 01/01/2024 là: 1.714.684.123 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.050.142.824.448	1.110.982.504.038
- Phải trả các bên liên quan	869.701.655.461	924.843.470.059
+ Công ty CP Sông Đà 2	6.637.036.759	10.641.573.317
+ Công ty CP Sông Đà 3	12.114.341.756	20.213.431.611
+ Công ty CP Sông Đà 4	18.858.208.649	9.054.407.189
+ Công ty CP Sông Đà 5	791.943.896	988.940.904
+ Công ty CP Sông Đà 6	8.906.943.824	10.646.039.132
+ Công ty CP Sông Đà 9	7.024.486.564	19.950.887.935
+ Công ty CP Sông Đà 10	47.763.822.471	85.543.042.261
+ Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư	172.001.253	-
+ Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	745.945.503.563	761.078.737.141
+ Công ty CP Tư vấn Sông Đà	1.179.657.275	1.813.519.211
+ Công ty CP Cơ khí lắp máy Sông Đà	5.579.372.052	-
+ Công ty CP Phát triển nhà Khánh Hòa	4.243.178.875	335.286.730
+ Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	5.990.069.704	85.225.684
+ Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	206.349.684	206.349.684
+ Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	4.288.739.136	4.286.029.260
- Phải trả các đơn vị khác	180.441.168.987	186.139.033.979
b) Dài hạn	779.123.547.603	906.055.404.849
- Phải trả các bên liên quan	622.448.405.359	718.396.013.577
+ Công ty CP Sông Đà 2	559.308.050	559.308.050
+ Công ty CP Sông Đà 3	6.565.059.291	11.565.059.291
+ Công ty CP Sông Đà 4	44.463.030.504	46.963.030.504
+ Công ty CP Sông Đà 5	7.938.122.944	23.584.460.847
+ Công ty CP Sông Đà 6	114.411.426.292	125.495.295.145
+ Công ty CP Sông Đà 9	103.985.104.728	108.197.099.083
+ Công ty CP Sông Đà 10	190.853.196.666	205.180.675.610
+ Công ty CP Sông Đà 12	364.421.130	364.421.130
+ Công ty CP Tư vấn Sông Đà	5.134.012.042	5.134.012.042
+ Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	94.711.434.270	101.298.230.401
+ Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	822.909.017	822.909.017
+ Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	52.626.740.335	89.217.872.367
+ Công ty TNHH Điện Xekaman 3	13.640.090	13.640.090
- Phải trả các đơn vị khác	156.675.142.244	187.659.391.272
Cộng	1.829.266.372.051	2.017.037.908.887

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**Thuế và các khoản phải nộp**

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất
- Các loại thuế khác
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
	886.026.430	9.101.645.414	9.987.671.844	-
	-	19.052.368.666	16.785.526.024	2.266.842.642
	560.803.743	2.883.246.512	2.438.052.204	1.005.998.051
	-	6.000.792.968	6.000.792.968	-
	121.385.634	12.000.000	12.000.000	121.385.634
	8.494.501	-	-	8.494.501
	1.576.710.308	37.050.053.560	35.224.043.040	3.402.720.828

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Cộng

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
	-	-	140.873.636	140.873.636
	16.785.526.024	16.785.526.024	-	-
	16.785.526.024	16.785.526.024	140.873.636	140.873.636

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2024				01/01/2024			
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	1.824.245.835.237	1.824.245.835.237	131.746.333.719	131.746.333.719	97.091.458.816	1.789.590.960.334	1.789.590.960.334	
Vay ngắn hạn các cá nhân	252.888.819	252.888.819	-	-	-	252.888.819	252.888.819	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.823.992.946.418	1.823.992.946.418	131.746.333.719	131.746.333.719	97.091.458.816	1.789.338.071.515	1.789.338.071.515	
- Ngân hàng NIB	535.559.487.544	535.559.487.544	-	-	58.713.858.217	594.273.345.761	594.273.345.761	
- Quỹ tích lũy nợ Bộ Tài chính	975.161.114.198	975.161.114.198	-	-	12.496.556.835	987.657.671.033	987.657.671.033	
- Ngân hàng Phát triển Châu Á - Vay thông thường	309.763.843.605	309.763.843.605	128.271.397.719	128.271.397.719	22.557.411.706	204.049.857.592	204.049.857.592	
- Ngân hàng Phát triển Châu Á - Vay đặc biệt	3.508.501.071	3.508.501.071	3.474.936.000	3.474.936.000	3.323.632.058	3.357.197.129	3.357.197.129	
b) Vay dài hạn	2.019.317.391.180	2.019.317.391.180	96.057.442.374	96.057.442.374	131.746.333.719	2.055.006.282.525	2.055.006.282.525	
Vay dài hạn ngân hàng	2.019.317.391.180	2.019.317.391.180	96.057.442.374	96.057.442.374	131.746.333.719	2.055.006.282.525	2.055.006.282.525	
- Ngân hàng Phát triển Châu Á - Vay thông thường	1.955.902.682.390	1.955.902.682.390	93.070.432.680	93.070.432.680	128.271.397.719	1.991.103.647.429	1.991.103.647.429	
- Ngân hàng Phát triển Châu Á - Vay đặc biệt	63.414.708.790	63.414.708.790	2.987.009.694	2.987.009.694	3.474.936.000	63.902.635.096	63.902.635.096	
Cộng	3.843.563.226.417	3.843.563.226.417	227.803.776.093	227.803.776.093	228.837.792.535	3.844.597.242.859	3.844.597.242.859	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	307.705.264.902	122.874.837.052
- Trả trước của các bên liên quan	22.999.392.161	22.999.392.161
+ Công ty TNHH điện Xekaman 3	22.359.308.483	22.359.308.483
+ Công ty CP Sông Đà 2	60.000.000	60.000.000
+ Công ty CP Sông Đà 3	580.083.678	580.083.678
- Trả trước của các đơn vị khác	284.705.872.741	99.875.444.891
+ Liên danh CMC/ITD/SONGDA	276.795.003.900	92.009.606.180
+ Phí ủy thác đầu tư	7.493.353.000	7.493.353.000
+ Các đối tượng khác	417.515.841	372.485.711
b) Dài hạn	-	-
Cộng	307.705.264.902	122.874.837.052

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	348.131.228.267	377.131.464.292
- Chi phí lãi vay	20.530.551.317	24.764.171.189
- Chi phí công trình xây dựng	84.454.304.433	119.634.621.306
- Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	243.146.372.517	232.732.671.797
b) Dài hạn	-	-
Cộng	348.131.228.267	377.131.464.292

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	29.893.855.531	43.640.372.768
- Doanh thu xây dựng công trình	20.157.841.625	31.343.347.214
- Doanh thu cho thuê văn phòng	9.736.013.906	12.297.025.554
b) Dài hạn	132.949.055.524	136.784.124.432
- Doanh thu cho thuê văn phòng	132.949.055.524	136.784.124.432
Cộng	162.842.911.055	180.424.497.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	830.312.120.420	770.735.605.567
- Phải trả các bên liên quan	208.821.849.287	206.755.646.897
+ Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	70.539.846	48.332.970
+ Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	186.231.819.482	186.075.705.932
+ Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	39.069.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 2	3.005.946.005	3.005.946.005
+ Công ty CP Sông Đà 3	965.466.764	1.093.041.764
+ Công ty CP Sông Đà 6	4.515.237.846	4.515.237.846
+ Công ty CP Sông Đà 10	9.579.672.073	7.603.284.109
+ Công ty TNHH điện Xekaman 3	4.414.098.271	4.414.098.271
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	621.490.271.133	563.979.958.670
b) Dài hạn	77.029.775.222	72.947.309.442
- Phải trả các bên liên quan	6.000.000.000	6.000.000.000
+ Nhận vốn từ Công ty CP Sông Đà 2 để đầu tư ủy thác vào Công ty CP Thủy điện Đăkriêng	600.000.000	600.000.000
+ Nhận vốn từ Công ty CP Sông Đà 10 để đầu tư ủy thác vào Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Nhận vốn từ Công ty CP Tư vấn Sông Đà để đầu tư ủy thác vào Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	2.400.000.000	2.400.000.000
- Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	71.029.775.222	66.947.309.442
+ Phải trả người ủy thác đầu tư	54.292.860.000	51.963.100.000
+ Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	16.736.915.222	14.984.209.442
Cộng	907.341.895.642	843.682.915.009

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quỹ khen thưởng	10.640.942.327	7.919.937.322
- Quỹ phúc lợi	5.750.013.116	3.995.873.116
Cộng	16.390.955.443	11.915.810.438

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTPC

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	4.495.371.120.000	14.743.759.363	1.221.780.842.014	5.731.895.721.377
- Lãi trong năm trước	-	-	396.322.747.679	396.322.747.679
- Phân phối lợi nhuận	-	530.000.000.000	(991.261.080.750)	(461.261.080.750)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	530.000.000.000	(530.000.000.000)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(11.723.968.750)	(11.723.968.750)
+ Chia cổ tức	-	-	(449.537.112.000)	(449.537.112.000)
31/12/2023	4.495.371.120.000	544.743.759.363	626.842.508.943	5.666.957.388.306
01/01/2024	4.495.371.120.000	544.743.759.363	626.842.508.943	5.666.957.388.306
- Lãi trong năm này	-	-	484.156.819.388	484.156.819.388
- Phân phối lợi nhuận	-	118.896.824.304	(575.790.836.304)	(456.894.012.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	118.896.824.304	(118.896.824.304)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(7.356.900.000)	(7.356.900.000)
+ Chia cổ tức	-	-	(449.537.112.000)	(449.537.112.000)
31/12/2024	4.495.371.120.000	663.640.583.667	535.208.492.027	5.694.220.195.694

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

22.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Vốn góp của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	4.485.961.120.000	4.485.961.120.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	9.410.000.000	9.410.000.000
Cộng	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Vốn góp đầu năm	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	449.537.112.000	449.537.112.000

22.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	449.537.112	449.537.112
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	449.537.112	449.537.112
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	449.537.112	449.537.112
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	449.537.112	449.537.112
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	133.903.832.782	436.297.485.691
- Doanh thu bán điện	333.063.431.754	346.942.341.077
- Doanh thu cho thuê văn phòng	114.006.583.442	125.994.491.746
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	14.993.200.557	16.841.168.726
Cộng	595.967.048.535	926.075.487.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	124.038.570.528	352.441.215.638
- Giá vốn kinh doanh điện	333.063.431.754	346.942.341.077
- Giá vốn cho thuê văn phòng	62.849.881.400	64.967.182.155
- Giá vốn dịch vụ khác	1.288.589.825	1.210.394.624
Cộng	521.240.473.507	765.561.133.494

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	279.349.332.939	435.591.434.058
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	511.635.468.400	550.756.365.176
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	164.875.069
Cộng	790.984.801.339	986.512.674.303

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	228.220.568.578	287.206.191.012
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã phát sinh trong kỳ	-	7.580.904.635
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	16.719.838.240	31.537.754.669
- Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	123.975.939.074	412.530.011.210
- Phí lưu ký chứng khoán	556.141.132	558.833.319
Cộng	369.472.487.024	739.413.694.845

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	29.572.815.094	35.223.137.453
- Chi phí vật liệu quản lý	240.474.770	523.788.466
- Chi phí đồ dùng văn phòng	542.853.332	501.119.630
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.214.011.211	2.173.414.950
- Thuế, phí và lệ phí	1.877.226.671	2.257.079.336
- Chi phí dự phòng	(45.462.758.968)	(67.852.606.245)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.562.599.442	6.724.709.145
- Chi phí bằng tiền khác	16.638.082.480	20.057.038.629
Cộng	15.185.304.032	(392.318.636)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Tiền đặt cọc thuê văn phòng chấm dứt trước hạn	3.529.920.085	1.259.530.077
- Các khoản khác	-	32.206.817
Cộng	3.529.920.085	1.291.736.894

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Các khoản chi phí khác	2.667.120	18.200.000
Cộng	2.667.120	18.200.000

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	484.580.838.276	409.279.188.734
Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.614.771.394	283.676.509.964
- Các khoản chi phí không hợp lý khác	7.614.771.394	14.108.172.140
- Các khoản trích lập dự phòng	-	269.568.337.824
Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN	511.635.468.400	550.756.365.176
- Cổ tức lợi nhuận được chia	511.635.468.400	550.756.365.176
Các khoản điều chỉnh tăng chi phí được trừ	87.774.199.066	79.537.222.685
- Chi phí tái cấu trúc đã nộp thuế năm 2022	2.120.093.889	1.590.070.417
- Hoàn nhập dự phòng các khoản nợ	85.654.105.177	77.947.152.268
Chuyển lỗ từ các năm trước	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(107.214.057.796)	62.662.110.837
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	12.532.422.167
Dự phòng đầu tư tài chính trích trước khi bàn giao Nhà máy Thủy điện Cần Đơn	95.261.843.331	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	-
Thuế TNDN hiện hành	19.052.368.666	-
Tổng chi phí thuế hiện hành	19.052.368.666	12.532.422.167

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(93.141.748.890)	2.120.094.442
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(18.628.349.778)	424.018.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***32. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi cho vay nhập gốc	49.899.089.169	55.294.907.751
Thu hồi tiền cho vay bằng bù trừ công nợ	5.206.674.296	5.631.230.544
Cộng	55.105.763.465	60.926.138.295

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chi tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**33.1 THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện thương phẩm;
- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng công trình;
- Lĩnh vực khác: Dịch vụ khác, bất động sản, hàng hóa,...

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng công ty.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2024

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

TÀI SẢN

Số tại 31/12/2024

Tài sản trực tiếp của bộ phận

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận

Tổng tài sản

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

Tổng nợ phải trả

	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
133.903.832.782	333.063.431.754		128.999.783.999	595.967.048.535
133.903.832.782	333.063.431.754		128.999.783.999	595.967.048.535
9.865.262.254	-	64.861.312.774		74.726.575.028
				(15.185.304.032)
				59.541.270.996
				790.984.801.339
				(369.472.487.024)
				3.529.920.085
				(2.667.120)
				(19.052.368.666)
				18.628.349.778
				484.156.819.388
			220.653.637	220.653.637
2.214.011.211			31.926.801.000	34.140.812.211
	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
1.169.752.818.395	69.559.081.310		718.296.773.116	1.957.608.672.821
				11.173.183.225.784
				13.130.791.898.605
6.155.189.937.988	745.913.208.813		196.050.958.435	7.097.154.105.236
				339.417.597.675
				7.436.571.702.911

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

KẾT QUẢ KINH DOANH**Năm 2023**

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Lợi nhuận sau thuế TNDN

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

TÀI SẢN**Số tại 31/12/2023**

Tài sản trực tiếp của bộ phận

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận

Tổng tài sản

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

Tổng nợ phải trả

	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
	436.297.485.691	346.942.341.077	142.835.660.472	926.075.487.240
	436.297.485.691	346.942.341.077	142.835.660.472	926.075.487.240
	83.856.270.053	-	76.658.083.693	160.514.353.746
				392.318.636
				160.906.672.382
				986.512.674.303
				(739.413.694.845)
				1.291.736.894
				(18.200.000)
				(12.532.422.167)
				(424.018.888)
				396.322.747.679
			382.156.818	382.156.818
	2.173.414.950	-	31.926.801.000	34.100.215.950
	Lĩnh vực xây lắp VND	Lĩnh vực thủy điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
	1.553.800.709.130	94.457.674.509	737.332.927.421	2.385.591.311.060
				10.700.709.604.228
				13.086.300.915.288
	6.275.105.585.063	761.078.737.141	214.099.455.695	7.250.283.777.899
				169.059.749.083
				7.419.343.526.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

33.2 THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Khu vực trong nước	587.763.218.773	906.462.964.253
Khu vực nước ngoài	8.203.829.762	19.612.522.987
Cộng	595.967.048.535	926.075.487.240

34. THÔNG TIN KHÁC**34.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	11.510.864,48	8.589.631,74

34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Sông Đà 3	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 4	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 5	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 6	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 9	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 10	Công ty con
Công ty CP Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con
Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con
Công ty CP Thủy điện Cần Đơn	Công ty con
Công ty CP Tư vấn Sông Đà	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	Công ty con
Công ty CP Sông Đà 2	Công ty liên kết
Công ty CP Sông Đà 12	Công ty liên kết
Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty CP Điện Việt Lào	Công ty liên kết
Công ty CP BOT Quốc lộ 2	Công ty liên kết
Công ty CP Phát triển Nhà Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Công ty liên kết
Công ty CP Cao su Phú Riềng Kratie	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và các công ty con và công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty CP Thủy điện Nậm Chiến		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	240.354.142	114.131.507
Công ty CP Thủy điện Cần Đơn		
Chi phí giá vốn	333.063.431.754	241.125.548.073
Lãi cho vay	6.619.673.076	11.000.098.634
Cổ tức đã nhận	63.289.900.800	101.967.062.400
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A		
Cổ tức phải thu	21.776.000.000	28.560.000.000
Cổ tức đã nhận	31.060.000.000	49.980.000.000
Công ty CP Sông Đà 4		
Doanh thu công trình	-	693.371.339
Chi phí Công trình	35.486.882.080	103.110.536.433
Doanh thu phí bảo lãnh	100.796.266	-
Lãi cho vay	4.140.794.187	4.161.835.005
Công ty CP Sông Đà 5		
Doanh thu khối lượng xây lắp phải thu	-	3.070.481.811
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.117.977.353	1.117.522.808
Chi phí giá vốn	1.476.302.921	1.088.314.576
Giảm trừ giá vốn	-	(526.456.916)
Cổ tức đã nhận	10.009.008.000	12.511.260.000
Công ty CP Sông Đà 6		
Chi phí Công trình	9.353.936.630	19.493.640.949
Công ty CP Sông Đà 9		
Chi phí giá vốn công trình	17.710.030.886	82.300.097.193
Công ty CP Sông Đà 10		
Doanh thu khối lượng xây lắp phải thu	-	3.057.214.197
Doanh thu phí bảo lãnh	307.703.646	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.417.897.416	1.417.897.416
Chi phí giá vốn	54.910.416.990	103.463.494.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty CP Tư vấn Sông Đà		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	575.837.807	560.122.551
Chi phí giá vốn	-	44.280.478
Cổ tức đã nhận	-	798.660.000
Cổ tức phải thu	665.550.000	-
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	230.694.087	175.150.846
Công ty CP Sông Đà 2		
Cổ tức đã nhận	-	3.528.000.000
Công ty CP Điện Việt Lào		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.072.890.763	801.861.036
Lãi cho vay	49.899.089.169	55.294.907.751
Cổ tức đã nhận	384.300.808.000	224.690.070.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	367.090.960	381.782.179
Công ty CP Cơ khí Lắp máy Sông Đà		
Doanh thu phụ phí	-	1.810.283.850
Chi phí giá vốn	-	22.992.346.014
Lãi cho vay	-	952.621
Thu nợ gốc HĐ tín dụng, lãi vay, phí bảo lãnh, tiền thuê Văn phòng	-	3.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**34.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Thu nhập của nhân sự chủ chốt trong năm như sau:

		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt			
Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc		4.713.278.405	5.631.624.607
Ông Trần Văn Tuấn	Chủ tịch	1.466.367.419	1.143.037.979
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	-	1.114.217.268
(Miễn nhiệm ngày 09/06/2023)			
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	-	747.234.881
(Miễn nhiệm ngày 09/06/2023)			
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	851.533.033	882.099.304
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	81.066.668	-
(Bổ nhiệm ngày 24/05/2024)			
Ông Trần Anh Đức	Tổng Giám đốc	876.458.232	301.618.182
(Bổ nhiệm ngày 19/06/2023)			
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	509.380.836	720.228.627
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	576.166.424	723.188.366
(Từ nhiệm ngày 19/04/2024)			
Ban kiểm soát		851.533.033	1.606.064.408
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	851.533.033	1.083.806.681
Ông Hà Tuấn Linh	Thành viên	-	522.257.727
Cộng		5.564.811.438	7.237.689.015

34.3 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tổng Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng



Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Anh Đức

**TỔNG CÔNG TY
SÔNG ĐÀ-CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04 /TCT-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

**TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**
V/v: thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp năm 2020.
- Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP.
- Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.
- Nghị quyết số 07/TCT-HĐQT ngày 18/2/2025 thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Tổng công ty Sông Đà – CTCP trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

1. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2023: 51.051.672.639, đồng
2. Lợi nhuận sau thuế năm 2024: 484.156.819.388, đồng
3. Trích lập các quỹ:
 - a. Trích Quỹ đầu tư phát triển: 68.000.000.000, đồng.
 - b. Giao Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm và rà soát để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 trên cơ sở tiền lương thực hiện năm 2024 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 10% vốn điều lệ:
 - Vốn điều lệ: 4.495.371.120.000, đồng
 - Lợi nhuận chia cổ tức: 449.537.112.000, đồng (Bốn trăm bốn mươi chín tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, một trăm mười hai nghìn đồng chẵn).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT; BKS TCT;
- Lưu: VP TCT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn

Số: 05 /TCT-HĐQT

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TCT SÔNG ĐÀ - CTCP

V/v quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2024;
Kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Sông Đà-CTCP;
- Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước (Nghị định 44/2025/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước (Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH);
- Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 của TCT Sông Đà - CTCP;

TCT Sông Đà - CTCP trình trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2024; Kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2025 như sau:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị TCT Sông Đà - CTCP chịu trách nhiệm thực hiện việc quyết định quyết toán thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2024 theo đúng Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH; Lập, phê duyệt kế hoạch thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2025 theo đúng quy định của Nghị định 44/2025/NĐ-CP; Đồng thời, đảm bảo phù hợp với phê duyệt của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT; BKS TCT;
- Lưu: VP TCT, TCKT.



Trần Văn Tuấn



Số: 06 /TCT- BKS

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH CỦA BKS TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

V/v: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp năm 2020.
- Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.
- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014;
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Điều lệ Tổng công ty Sông Đà - CTCP;
- Các Quyết định của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025;

Để đảm bảo yêu cầu về chất lượng báo cáo và tiến độ công khai báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty Sông Đà - CTCP, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Sông Đà - CTCP thông qua:

1. Danh sách 03 (ba) Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

2. Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty lựa chọn một trong những đơn vị kiểm toán thuộc danh sách trên được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV BKS;
- Lưu: VP TCT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'm hay', written over a horizontal line.

Nguyễn Văn Thắng